TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐĂK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày 26 - 11 – 2019
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Hỷ và bà Võ Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2019/TLST-DS ngày 25/01/2019 về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-DS ngày 29/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Ch, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn ĐM, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đ Nông - Có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Bà Trương Thị Ng, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn ĐM, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đ Nông - Có mặt tại phiên tòa;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Bùi Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn ĐM, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đ Nông - Có mặt tại phiên tòa;

+ Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn ĐM, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đ Nông- Có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 12/12/2014, ông Dương Ch đã bảo lãnh cho bà Trương Thị Ng vay 1.200kg cà phê nhân xô đủ độ (trong đó: vay công ty L H ở thôn 7, xã Nh C, huyện Đ L, tỉnh Đăk Nông là 1.000kg và vay của anh Thanh T là con rể ông Ch 200 kg) quy thành tiền là 48.000.000 đồng. Ngoài ra, hai nhà có sử dụng chung một đồng hồ điện do ông Ch đứng tên và thống nhất tiền điện hàng tháng chia đôi. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2014 đến hết tháng 10/2017 (33 tháng), số tiền điện hai nhà sử dụng chung là 18.230.800 đồng, mỗi nhà phải chịu 9.115.400 đồng. Và cũng trong năm 2014, bà Ng có nhờ bà Bùi Thị T (vợ ông Ch) mua thức ăn giúp với số tiền là 5.761.000 đồng. Đối với khoản nợ cà phê và tiền điện hàng tháng ông Ch đều đã đứng ra thanh toán. Tuy nhiên, đến nay tất cả các khoản tiền vay trên bà Ng vẫn chưa thanh toán lại cho vợ chồng ông Ch, bà T mặc dù ông Ch bà T đã hối thúc nhiều lần và có hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Q T nhưng không thành. Vì Vậy, ông Ch làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Ng phải trả số tiền cà phê nhân, tiền điện, tiền mua thức ăn còn nợ ông bà là 62.876.400 đồng (Sáu mươi hai Tệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn bà Trương Thị Ng trình bày: Bà Ng thừa nhận việc vay 1.200kg cà phê nhân, sử dụng chung đồng hồ điện giữa hai nhà và nhờ bà T đi chợ mua thức ăn giúp như ông Ch trình bày là đúng sự thật. Tuy nhiên, bà đã thanh toán toàn bộ các khoản vay này cho vợ chồng ông Ch, bà T (được thể hiện trong bảng kê do ông Ch viết vào đầu năm 2017) và hiện ông Ch còn nợ bà số tiền 3.218.200 đồng. Do đó bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ch. Còn đối với số tiền bà trả cho ông Dương Ch theo nhu bảng kê mà ông Ch viết bà Ng chưa yêu cầu ông Ch phải trả số tiền này;

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị T trình bày: Những gì ông Ch trình bày là đúng sự thật và yêu cầu bà Trương Thị Ng phải trả cho ông bà là 62.876.400 đồng (Sáu mươi hai Tệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Ông Hoàng Văn H (chồng của bà Ng) trình bày: Những gì bà Ng trình bày là đúng sự thật. Bà Ng đã trực tiếp trả cho ông Ch 80.000.000 đồng (tám mươi Tệu đồng) tiền mặt và đối với khoản nợ cà phê thì đã được khấu trừ qua tiền phân bón (vì bà Ng có mua giúp phân bón cho ông Ch). Do đó ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ch.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn, người có quyền lợi liên quan giữ nguyên ý kiến của mình, không bổ sung gì khác.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Thẩm phán thiết lập hồ sơ đúng trình tự theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần; việc chấp hành pháp luật

của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Ch.

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Buộc ông Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Đây là quan hệ tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng ông Dương Ch và vợ chồng bà Trương Thị Ng. Bị đơn bà Trương Thị Ng cư trú tại Thôn Đ R, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

* *Về thủ tục tố tụng:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Tệu tập và tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ lên làm việc; Tiến hành lấy lời khai, đối chất và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải với các bên đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

* *Về nội dung tranh chấp:*

Trong năm 2014, ông Dương Ch có bảo lãnh cho bà Trương Thị Ng vay 1.200kg cà phê nhân (trong đó: vay công ty L H ở thôn 7, xã Nh C, huyện Đ L, tỉnh Đăk Nông 1.000kg và vay của anh Thanh T là con rể ông Ch 200 kg) quy thành tiền là 48.000.000 đồng. Ngoài ra, hai nhà có sử dụng chung một đồng hồ điện do ông Ch đứng tên và thống nhất tiền điện hàng tháng chia đôi. Và cũng trong năm 2014, bà Ng có nhờ bà Bùi Thị T (vợ ông Ch) mua thức ăn giúp với số tiền là 5.761.000 đồng. Các khoản nợ cà phê và tiền điện ông Ch đã trả thay cho bà Ng. Tuy nhiên, đến nay tất cả các khoản tiền vay trên bà Ng vẫn chưa thanh toán lại cho vợ chồng ông Ch, bà T. Vì Vậy, ông Ch làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Ng phải trả số tiền cà phê nhân, tiền điện, tiền mua thức ăn còn nợ

ông bà là 62.876.400 đồng (Sáu mươi hai Tệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

** Nhận định của Hội đồng xét xử:*

[1] Vợ chồng ông Dương Ch và vợ chồng bà Trương Thị Ng đều thừa nhận có sự thỏa thuận giữa các bên về việc nhờ ông Ch đứng ra bảo lãnh để bà Ng vay 1.200kg cà phê nhân, việc sử dụng chung đồng hồ điện giữa hai nhà, số tiền điện hàng tháng chia đôi và việc bà T đi chợ mua thức ăn giúp bà Ng nhưng các bên không làm thành văn bản cũng không thỏa thuận về thời gian thanh toán các khoản vay. Quá trình thực hiện giao dịch các đương sự có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện ký kết, thỏa thuận hợp đồng (hợp đồng miệng), do đó hợp đồng này là hợp pháp.

[2] Giao dịch giữa các bên cụ thể như sau:

Ngày 12/12/2014, ông Dương Ch đã bảo lãnh cho bà Trương Thị Ng vay 1.200kg cà phê nhân, quy thành tiền là 48.000.000 đồng. Tiền điện trong khoảng thời gian hai nhà sử dụng chung từ 10/2014 đến hết tháng 10/2017 là 18.230.800 đồng, mỗi nhà phải chịu 9.115.400 đồng. Tiền bà Bùi Thị T (vợ ông Ch) mua thức ăn giúp với là 5.761.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng hai bên chỉ thỏa thuận với nhau bằng miệng, không có giấy tờ gì. Việc chi trả các khoản tiền này cũng đưa trực tiếp và tự thỏa thuận việc khấu trừ tiền phân với nhau chứ không có tài liệu, chứng cứ gì. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà Ng có cung cấp cho Tòa án 01 mẩu giấy có nội dung thống kê các khoản vay, nợ do ông Ch viết thể hiện việc bà Ng đã trả các khoản tiền cà phê, phân bón cho ông Ch và hiện ông Ch còn nợ bà Ng 3.218.200 đồng.

Quá trình đối chất, ông Ch thừa nhận giấy này do bà T (vợ ông) đưa cho ông viết vào năm 2014 để đưa cho bà Ng trả tiền nhưng không giải thích được vì sao lại ghi còn nợ Ng 3.218.200 đồng và cũng không cung cấp được thêm tài liệu chứng cứ gì thể hiện việc bà Ng còn nợ tiền cà phê. Cũng trong sổ của ông Dương Ch ghi ngày 22/12/2014 thể hiện việc nợ phần 100.000.000 đồng hai bên đã thanh toán xong và được ông Dương Ch gạch trong sổ ông Ch ghi và cụ thể như sau(BL 62) thể hiện ghi nội dung: Ng trả 48.000.000 đồng = 1.200kg cà; nợ cũ đã cộng 4.825.000 đồng; sửa hàn vít xy+ nylon= 436.000 đồng; cô Ng mượn cháu T về xe =500.000 đồng tổng là 85.281.000 đồng; chi phân Urê phú mỹ 20b= 8.500.000 đồng còn lại 76.781.800 đồng; Ng gửi 80 Tệu; Nợ Ng là 3.218.000 đồng;

Đối với khoản tiền điện hai nhà sử dụng chung thì các bên đều xác nhận đồng hồ điện đứng tên ông Ch, khi nào nhận được hóa đơn thì thông báo cho nhau. Vợ chồng bà Ng cho biết tiền điện tháng nào đều thanh toán sằng phẳng với vợ chồng ông Ch và có tháng bà Ng là người trực tiếp trả tiền cho phía điện lực nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án ông Ch có cung cấp cho Tòa án các hóa đơn tiền điện từ ngày 10/10/2012

đến ngày 18/10/2017. Trên một số hóa đơn có ghi chú " Ng chưa trả tiền" nhưng không có chữ ký xác nhận và trên hóa đơn chỉ thể hiện thông tin và trụ điện, số điện sử dụng quy thành tiền không ghi tên người thanh toàn; không có ghi đối chiếu giữa các bên;

Đối với số tiền 5.761.000 đồng ông Ch cho rằng là khoản tiền bà T (vợ ông) đã đi chợ mua thức ăn giúp bà Ng nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc đối chiếu công nợ giữa hai bên. Bà Ng cho rằng đã trả tiền nhưng cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì.

Căn cứ theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*.

[3] Về yêu cầu lãi suất: Nguyên đơn không đưa ra số tiền lãi suất và yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên không có cơ sở giải quyết;

[4] Đối với số tiền 3.218.200 đồng ông Ch còn nợ thì vợ chồng bà Ng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Từ đánh giá nhận định nêu trên nên HĐXX xét thấy là không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Dương Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Ch (nguyên đơn) về việc buộc bà Trương Thị Ng phải trả số 62.876.400 đồng (Sáu mươi hai Tệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc ông Dương Ch phải nộp 1.572.000 đồng (Một Tệu năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 1.572.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông Ch đã nộp theo biên lai số 0000667 ngày 25/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông.

Nguyên đơn, bị đơn, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

ĐÃ KÝ

Phạm Văn Quân